**Thứ hai ngày 05 tháng 09 năm 2022**

**Tập đọc:**

**THƯ GỬI CÁC HỌC SINH**

**Hồ Chí Minh**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Hiểu nội dung bức thư: *Bác Hồ khuyên HS chăm học, biết nghe lời thầy, yêu bạn.*

- Trả lời được các câu hỏi : 1, 2 , 3 .

- Biết đọc nhấn giọng từ ngữ cần thiết , ngắt nghỉ hơi đúng chỗ .

- HSNK đọc thể hiện tình cảm thân ái , trìu mến, tin tưởng

- Học thuộc đoạn : Sau 80 mươi năm … công học tập của các em .

**2. Phẩm chất, năng lực:**

- Biết ơn, kính trọng Bác Hồ, quyết tâm học tốt

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng

tạo.( HĐ1 )

- Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ ( HĐ2, HĐ3 )

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: + Tranh minh hoạ (SGK)

+ Bảng phụ viết đoạn thư HS học thuộc

- Học sinh: Sách giáo khoa, vở viết...

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động khởi động: (3 phút)** | |
| - Cho HS hát bài *"Ai yêu Bác Hồ Chí Minh hơn thiếu niên nhi đồng"*  - GV dẫn dắt, giới thiệu bài  - Giới thiêụ chủ điểm, bài qua tranh minh hoạ. | - HS hát  - HS quan sát tranh và trả lời theo nội dung tranh |
| **2. Hoạt động khám phá: (28 phút)** | |
| **Hoạt động 1:** Đọc văn bản  - Gọi 1 HS đọc bài  - Cho HS luyện đọc  - Luyện đọc từ ngữ khó  - HD giải nghĩa từ.  - GV đọc toàn bài  **Hoạt động 2:** Tìm hiểu nội dung  Câu 1: Ngày khai trường 9-1945 có gì đặc biệt so với những ngày khai trường khác?  Câu 2: Sau cách mạng tháng 8 nhiệm vụ của toàn dân là gì?  Câu 3: Học sinh có trách nhiệm như thế nào trong công cuộc kiến thiết Đất Nước?  \*Rút nội dung | - Đọc tiếp nối  Đoạn 1: Từ đầu…các em nghĩ sao.  Đoạn 2: Còn lại.  -Từ ngữ khó: cơ đồ, hoàn cầu, kiến thiết, các cường quốc năm châu ,..  Câu khó: Nhưng sung sướng hơn … nghĩ sao  - Giải nghĩa từ : 80 năm giời nô lệ , cơ đồ, hoàn cầu ,...  - HS lắng nghe  - Thảo luận nhóm 2 trả lời:  - Là ngày khai trường đầu tiên của nước VNDCCH sau 80 năm bị TD Pháp đô hộ.  Từ nay chúng ta được hưởng một nền giáo dục hoàn toàn VN.  - Xây dựng lại cơ đồ mà tổ tiên đã để lại, làm cho nước ta theo kịp các nước khác trên hoàn cầu.  - Cố gắng, siêng năng học tập,ngoan ngoãn, nghe thầy, yêu bạn để lớn lên góp phần xây dựng đất nước.  - *Bác Hồ khuyên HS chăm học, biết nghe lời thầy, yêu bạn .* |
| **3. Hoạt động luyện tập: LĐ diễn cảm (5 phút)** | |
| - HD đọc diễn cảm đoạn 2.  - Tổ chức thi đọc diễn cảm.  Nhấn giọng: *Xây dựng lại, trông mong, chờ đợi, tươi đẹp* , *sánh vai* ; nghỉ hơi sau các cụm từ: *ngày nay/ trông mong/ chờ đợi.*  -Học thuộc lòng đoạn văn “ Sau 80 năm …học tập của các em” ( HS năng khiếu )  **\* Củng cố, dặn dò** **(2 phút )**  ***-*** Bác Hồ viết bức thư này lúc nào?  - Em biết gì về cuộc đời và sự nhiệp của Bác Hồ ?  - Sưu tầm các bài hát, bài thơ ca ngợi Bác Hồ.  - Chuẩn bị : Quang cảnh làng mạc ngày mùa.  - GV nhận xét tiết học. | - Luyện đọc diễn cảm nhóm đôi  - HS tham gia thi đọc diễn cảm  - HS nêu  - Lắng nghe và thực hiện |

**IV . ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC**

...........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Toán**

**ÔN TẬP: KHÁI NIỆM VỀ PHÂN SỐ ( tr.3 )**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Biết đọc, viết phân số; biết biểu diễn một phép chia số tự nhiên cho một số tự nhiên khác 0 và viết một số tự nhiên dưới dạng phân số.

*\* Bài tập cần làm: Bài 1, bài 2, bài 3, bài 4.*

- Rèn kĩ năng đọc, viết phân số; biết biểu diễn một phép chia số tự nhiên cho một số tự nhiên khác 0 và viết một số tự nhiên dưới dạng phân số.

**2. Phẩm chất, năng lực:**

- Giáo dục học sinh tính cẩn thận, gọn gàng, khoa học. Yêu thích học toán.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực tính toán. (Bài 1,2,3,4)

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Giáo viên: Sách giáo khoa, bảng phụ.

- Học sinh: Sách giáo khoa, bảng con.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌCCHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động khởi động : (4 phút)** | |
| - Cho HS hát  - GV nêu cách học môn toán và kiểm tra sự chuẩn bị của HS.  - GV nhận xét.  - Giới thiệu bài - Ghi bảng | - HS hát  - HS chuẩn bị đồ dùng học tập    - HS nghe, ghi vở |
| **2. Hoạt động luyện tập, thực hành : (34 phút)** | |
| **HĐ1:*Ôn tập khái niệm ban đầu về phân số*: ( 5 ph)**  - Cho HS quan sát từng tấm bìa. Yêu cầu nêu tên gọi phân số, tự viết phân số và đọc.   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  |  |  |   - GV: Tương tự làm các tấm bìa còn lại.  - Hướng dẫn các em đọc : ; ;  ;  **HĐ2:** ***Ôn tập cách viết thương hai số tự nhiên, cách viết mỗi số tự nhiên dưới dạng phân số ( 10 ph)***  - Yêu cầu HS thảo luận tìm ra cách viết thương của phép chia, viết STN dưới dạng phân số.  - GV HD HS viết.  - GV nhận xét.  **HĐ3: *Thực hành: ( 19 ph )***  ***Bài 1:***  a) Đọc các phân số sau:  b) Nêu tử số và mẫu số.    ***Bài 2:***Viết các thương sau đây dưới dạng phân số:      ***Bài 3:*** Viết các số tự nhiên sau đây dưới dạng phân số có mẫu số là 1:  ***Bài 4:*** Viết số thích hợp vào ô trống  **\* Củng cố, dặn dò:( 2 phút )**  - Nhận xét tiết học – Dặn dò. | - HS: Ta có hai phần ba băng giấy được tô màu, ta có phân số ; đọc là: hai phần ba.  - HS tiếp tục nêu: hai phần ba, năm phần mười, ba phần tư, bốn mươi phần một trăm.  - HS thảo luận  - HS viết lần lượt và đọc thương.  1 : 3 =  (1 chia 3 thương là )  ……….  **\* ( Cá nhân)**  - Gọi HS làm miệng . Cả lớp nhận xét. Sửa sai tại chỗ.  1/ ; ; ; ;  **\* ( Cá nhân)**  - HS làm vào vở, bảng lớp.  2/ 3 : 5=; 75:100=; 9:17=  **\* ( Cá nhân)**  - Làm vào vở, bảng lớp.  3/ 32 =; 105 =; 1000 =.  **\* ( Nhóm 2 )**  - Làm theo nhóm 2, trình bày.  4/ a) 1 =  ; 0 = |

**IV . ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC**

.................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Chính tả:**

**Nghe – viết: VIỆT NAM THÂN YÊU**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Nghe-viết đúng bài chính tả *Việt Nam thân yêu* ; không mắc quá 5 lỗi trong bài; trình bày đúng hình thức thơ lục bát .

- Tìm được tiếng thích hợp với ô trống theo yêu cầu của bài tập2 ; thực hiện đúng BT 3 .

**2. Phẩm chất, năng lực:**

- Giáo dục HS ý thức rèn chữ, giữ vở, yêu quê hương đất nước

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. ( HĐ1, HĐ3, BT2, BT3 )

- Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ.( HĐ 2, BT2 )

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: Bảng phụ

- HS: Bảng con, vở, SGK...

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động khởi động: (3 phút)** | |
| - Cho HS hát  - GV nêu 1 số điểm cần lưu ý về y/c của giờ Chính tả lớp  - GV dẫn dắt, giới thiệu bài |  |
| **2. Hoạt động khám phá: (25 phút)** | |
| **Hoạt động 1:**  **HD viết chính tả**  - Đọc bài chính tả  - Bài thơ nói về điều gì?  - HD viết từ ngữ khó: yêu cầu HS nêu các cụm từ ngữ dễ viết sai .  - GV hư­­­­­­­­ớng dẫn cách viết các từ ngữ khó viết  - GV hướng dẫn cách trình bày bài thơ . ( Theo thể thơ lục bát)  **Hoạt động 2: HĐ viết bài chính tả**  - GV đọc mẫu lần 1.  - GV đọc lần 2 (đọc chậm)  - GV đọc lần 3.  **Hoạt động 3:** **Chấm bài, nhận xét**  - GV chấm 7-10 bài.  - Nhận xét bài viết của HS | - Bài thơ ca ngợi cảnh đẹp của đất nước và phẩm chất cao quý của con người VN  - HS nêu: mênh mông,biển lúa,dập dờn, bay lả, nhuộm bùn, …  - HS luyện viết bảng con  - HS lắng nghe  - HS theo dõi.  - HS viết theo lời đọc của GV.  - HS soát lỗi chính tả  - Chấm lỗi theo cặp .  - Thu bài chấm  - HS nghe |
| **3. Hoạt động luyện tập, thực hành: (8 phút)** | |
| Bài tập 2: ( HĐ nhóm 2 )  - Cho HS nêu yêu cầu đề  - Tổ chức hoạt động cặp đôi  - Gọi đại diện các nhóm chữa bài  Bài tập 3: ( HĐ cá nhân)  - 1HS nêu yêu cầu  - GV cho HS làm bài  - Chữa bài, cả lớp theo dõi, nhận xét.  - GV chốt lời giải đúng  - Yêu cầu HS nêu lại quy tắc viết k/c, g/gh, ng/ngh  **\*Củng cố, dặn dò (2 phút )**  **-** Nhắc nhở học sinh mắc lỗi chính tả về nhà viết lại các từ đã viết sai  - Dặn HS ghi nhớ cách viết với c/k, g/gh, ng/ngh.  - GV nhận xét giờ học | - Tìm tiếng có âm gh, ngh, g, gh, c, k điền vào chỗ trống của bài Ngày độc lập.  Ô trống 1:chứa tiếng bắt đầu bằng ng,ngh  Ô trống 2:......................................g, gh  Ô trống 3:......................................c, k  - HS thảo luận nhóm đôi  - Các nhóm báo cáo kết quả  + Các từ cần điền là:  Ngày,ghi, ngát, ngữ, nghỉ, gái, có, ngày, của, kết, của, kiên, kỉ  - HS nêu yêu cầu  - HS làm bài cá nhân.  - Cả lớp theo dõi  - HS nghe  - HS nêu: - k, gh, ngh đi với các nguyên âm : e, ê, i.  - c, g, ng, đi với các nguyên âm còn lại .    - HS nghe và thực hiện |

**IV . ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC**

.................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Thứ ba ngày 06 tháng 09 năm 2022**

**Toán:**

**ÔN TẬP: TÍNH CHẤT CƠ BẢN CỦA PHÂN SỐ ( tr.5 )**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Biết tính chất cơ bản của phân số, vận dụng tính chất cơ bản của phân số để rút gọn phân số, quy đồng mẫu số các phân số (trường hợp đơn giản).

***-*** *Bài tập cần làm: Bài 1, bài 2. HSNK làm bài 3..*

- Rèn kĩ năng vận dụng tính chất cơ bản của phân số để rút gọn phân số, quy

đồng mẫu số các phân số.

**2. Phẩm chất, năng lực:**

-Cẩn thận, tỉ mỉ khi làm bài.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực tính toán ( bài 1,2 ).

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Giáo viên:sách giáo khoa, bảng phụ

- Học sinh: Sách giáo khoa,vở viết, bảng con

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌCCHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động khởi động: (4 phút)** | |
| - Cho HS chơi trò chơi: **Tiếp sức**  Tổ chức HS thành 2 nhóm chơi, mỗi nhóm 6 HS  + N1: Viết thương một phép chia hai số tự nhiên  + N2: Viết một số tự nhiên dưới dạng phân số.  - Nhóm nào viết đúng và nhanh hơn thì giành chiến thắng.  - GV nhận xét trò chơi  - Giới thiệu bài. | - HS chơi trò chơi  - HS nghe  - HS ghi vở |
| **2. Hoạt động luyện tập, thực hành: (34 phút)** | |
| **HĐ1:** ***Ôn tập tính chất cơ bản của phân số***  ***( 5ph)***  - GV hướng dẫn HS thực hiện:  =  =  - Cho HS nêu nhận xét thành một câu khái quát như trong SGK.  *\* Tương tự với ví dụ 2*  - Sau cả 2 ví dụ, GV giúp HS nêu toàn bộ tính chất cơ bản của phân số (như trong SGK)  **HĐ2:** ***Ứng dụng tính chất cơ bản của phân số*** **( 10 ph )**  - GV hướng dẫn HS tự rút gọn phân số  *+ Lưu ý HS rút gọn để được phân số tối giản.*  - GV hướng dẫn HS cách quy đồng mẫu số các phân số:  và ;  và .  **HĐ 3:** ***Hướng dẫn HS làm BT( 19 ph )***  *Bài 1:* ( 9 ph )  - GV hướng dẫn làm  *Bài 2:*( 10 ph )  - Cho HS nêu cách quy đồng. GV theo dõi uốn nắn.  *Bài 3:* ***\* ( Dành cho HS năng khiếu )***  - Cho HS làm.  **\* Củng cố, dặn dò (2 phút)**  + Phát biểu tính chất cơ bản của phân số?  - Nhận xét tiết học – Dặn dò. | - HS chọn số thích hợp điền vào chỗ trống:  - HS nêu.  - HS nêu  - HS làm nháp. Nêu kết quả.  - 2 HS lên bảng làm. Cả lớp làm vào vở nháp.  ***\* (Cá nhân)***  1/  = = ; = =  ***\* ( Nhóm 2 )***  - HS nêu  - HS làm bài theo nhóm.  a) và ; ==; ==  b) ….  - HS làm bài.  - HS phát biểu.  - HS lắng nghe. |

**IV . ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC**

.................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Luyện từ và câu:**

**TỪ ĐỒNG NGHĨA**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Bước đầu hiểu từ đồng nghĩa là những từ có nghĩa giống nhau hoặc gần giống nhau ; hiểu thế nào là từ đồng nghĩa hoàn toàn và từ đồng nghĩa không hoàn toàn.

- Tìm được từ đồng nghĩa theo yêu cầu BT1, BT2 ( 2 trong số 3 từ ) ; đặt câu được với một cặp từ đồng nghĩa , theo mẫu ( BT3 ) .

- HS năng khiếu đặt câu được với 2,3 cặp từ đồng nghĩa tìm được ( BT3).

- Rèn HS kĩ năng tìm từ, đặt câu.

**2. Phẩm chất, năng lực**:

- Tích cực học tập, yêu thích môn học.

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.( BT1, BT2, BT3).

- Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ.( B2, BT3)

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Giáo viên: Sách giáo khoa, bảng phụ

- Học sinh: Vở viết, SGK

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động khởi động: (4 phút)** | |
| - GV giới thiệu chương trình LTVC.  - GV nêu mục đích yêu cầu tiết học.  - GV dẫn dắt, giới thiệu bài |  |
| **2. Hoạt động khám phá: (17 phút)** | |
| a/Phần nhận xét:  Bài tập 1 **:** - Nêu yêu cầu đề .  - Gọi HS đọc các từ in đậm.  -Hãy nhận xét về nghĩa của các từ in đậm  GVKL: Đây là những từ đồng nghĩa .  - Em hiểu thế nào là từ đồng nghĩa?  Bài tập 2: Đọc yêu cầu bài tập.  - Cho HS làm bài tập  - Rút ghi nhớ 2, tìm ví dụ  -Rút ghi nhớ 3, tìm ví dụ  b/ Phần ghi nhớ | - So sánh nghĩa của các từ in đậm trong mỗi ví dụ .  a)Xây dựng, kiến thiết  b)Vàng xuộm, vàng hoe, vàng lịm  a)Chỉ hoạt động, b)Chỉ màu sắc  - Từ đồng nghĩa là những từ có nghĩa giống nhau hoặc gần giống nhau.  - Thảo luận nhóm đôi, trình bày.  *Xây dựng và kiến thiết* có thể thay thế cho nhau vì nghĩa giống nhau hoàn toàn.  - Hổ, cọp, hùm  *Vàng xuộm, vàng lịm, vàng hoe* không thay thế cho nhau được vì nghĩa của chúng không giống nhau hoàn toàn .  - Mang ,khiêng, vác,....  - Đọc phần ghi nhớ trong SGK. |
| **3. Hoạt động luyện tập, thực hành: (15 phút)** | |
| Bài 1: ( HĐ cá nhân)  - Nêu yêu cầu bài  - Làm bài bảng con.  Bài 2**:** (HĐ nhóm 4 )  - Nêu yêu cầu  - Gọi đại diện các nhóm chữa bài    - GV nhận xét, kết luận  Bài 3: ( HĐ cá nhân)  - Nêu yêu cầu bài tập.  - Làm vở BT(1hs bảng lớp)  *(HS năng khiếu đặt được 2,3 cặp từ đồng nghĩa )*  - GV nhận xét chữa bài.  **\* Củng cố, dặn dò**  **( 2 phút )**  - Thế nào là từ đồng nghĩa?Cho VD  - Chia sẻ với mọi người về các từ đồng nghĩa  - Nhận xét tiết học | - Xếp từ in đậm thành nhóm đồng nghĩa  nước nhà- non sông  hoàn cầu- năm châu  - Tìm những từ đồng nghĩa với mỗi từ: đẹp, to lớn, học tập  - Các nhóm chia sẻ  - Đẹp: đẹp đẽ, xinh, xinh xắn, tươi đẹp, mĩ lệ, …  To lớn: to đùng, vĩ đại,khổng lồ, to tướng  Học tập: học hành, học hỏi, học, …  - Đặt câu với 1 cặp từ đồng nghĩa em vừa tìm được ở BT2 .  + Chúng em rất chăm *học hành*. Ai cũng thích *học hỏi* những điều hay từ bạn bè .  + Phong cảnh nơi đây thật *mĩ lệ*. Cuộc sống mỗi ngày một *tươi đẹp* .  - 2 HS nêu .  - HS nghe và thực hiện |

**IV . ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC**

...........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Kể chuyện:**

***LÝ TỰ TRỌNG***

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Dựa vào lời kể của GV và tranh minh họa, kể từng đoạn và kể nối tiếp câu chuyện .

- Hiểu ý nghĩa câu chuyện: *Ca ngợi Lý Tự Trọng giàu lòng yêu nước, dũng cảm bảo vệ đồng đội , hiên ngang, bất khuất trước kẻ thù*.

- HS NK kể được câu chuyện 1 cách sinh động, nêu đúng ý nghĩa

- **GDQPAN:** Nêu những tấm gương dũng cảm của tuổi trẻ Việt Nam trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

**2. Phẩm chất, năng lực:**

- Giáo dục tinh thần yêu nước, dũng cảm trước kẻ thù

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực ngôn ngữ ( BT1,2,3 )

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: Tranh minh họa truyện trong SGK.

- HS: Vở, SGK,...

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động khởi động: (4 phút)** | |
| - Cho HS hát  - Kiểm tra sự chuẩn bị sách vở của HS - GV dẫn dắt, giới thiệu bài | - HS hát  - HS chuẩn bị đồ dùng |
| **2. Hoạt động khám phá: (10 phút)** | |
| *HD HS tìm hiểu câu chuyện*  -Kể lần 1: Ghi bảng : - Lý Tự Trọng, tên đội Tây, mật thám Lơ-grăng, luật sư.  - HDgiải nghĩa 1 số từ khó:  **-** GV kể chuyện lần 2 + Kết hợp tranh minh hoạ | - Mít tinh, thành niên, quốc tế ca, luật sư  - Lớp lắng nghe và quan sát tranh |
| **3. Hoạt động luyện tập, thực hành: (22 phút)** | |
| Bài tập 1 : Đọc yêu cầu hội ý nhóm đôi giới thiệu lời thuyết minh cho tranh.  Bài tập 2: Cho HS kể từng đoạn và kể nối tiếp câu chuyện .  - Tổ chức thi kể trước lớp.  Bài tập 3:  - Thảo luận nhóm đôi để tìm hiểu ý nghĩa câu chuyện  - **GDQPAN:** Nêu những tấm gương dũng cảm của tuổi trẻ Việt Nam trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc  **\* Củng cố, dặn dò (2 phút)**  - Em học tập ở anh Lý Tự Trọng những điều gì?  - Tìm đọc 1 câu chuyện kể về gương anh hùng ,danh nhân để kể trước lớp.  - Nhận xét tiết học. | Tranh 1: Lý Tự Trọng rất sáng dạ. được cử ra nước ngoài học tập.  -Tranh 2: Về nước, anh được giao nhiệm vụ chuyển và nhận thư từ , tài liệu.  -Tranh 3: Trong công việc, anh là người bình tĩnh, nhanh trí.  - Tranh 4: Trong buổi mít tinh, anh bắn chết 1 tên mật thám và bị bắt.  -Tranh 5: Anh hiên ngang khẳng định lí tưởng cách mạng của mình.  - Tranh 6: Ra pháp trường, anh hát vang bài Quốc tế ca  - HS kể theo nhóm 4.  - Đại diện nhóm kể .  - HS thảo luận nhóm 2 trao đổi ý nghĩa câu chuyện  *Ca ngợi Lý Tự Trọng giàu lòng yêu nước, dũng cảm bảo vệ đồng đội , hiên ngang, bất khuất trước kẻ thù*.  - Học tập cách sống có lí tưởng, dũng cảm, hiên ngang bảo vệ lý tưởng, coi thường cái chết.  - HS nghe và thực hiện |

**IV . ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC**

.................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Lịch sử:**

**BÌNH TÂY ĐẠI NGUYÊN SOÁI “TRƯƠNG ĐỊNH”**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Nhận biết được thời kì đầu thực dân Pháp xâm lược, Trương Định là thủ lĩnh nổi tiếng của phong trào chống Pháp của Nam Kì.

- Nêu các sự kiện chủ yếu về Trương Định: không tuân theo lệnh vua, cùng nhân dân chống Pháp. Biết các đường phố, trường học, ở địa phương mang tên Trương Định.

**2. Phẩm chất, năng lực:**

- Giáo dục học sinh biết cảm phục và học tập tinh thần xả thân vì nước của Trương Định.

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo (HĐ 1, HĐ 2).

- Năng lực hiểu biết cơ bản về lịch sử, năng lực tìm tòi và khám phá (HĐ 3, củng cố, dặn dò).

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: Sơ đồ kẻ sẵn theo mục củng cố, bản đồ hành chính Việt Nam.

- HS: SGK, vở.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động khởi động: (5 phút)** | |
| - Nêu khái quát về hơn 80 năm chống thực dân Pháp xâm lược và đô hộ.  + Tranh vẽ cảnh gì ? Em có cảm nghĩ gì về buổi lễ được vẽ trong tranh ?  + Sử dụng câu hỏi: Trương Định là ai ? Vì  saonhân dân lại dành cho ông tình cảm đặc  biệt tôn kínhnhư vậy *?* để giới thiệu nội  dung bài học. | - HS nghe.  - Quan sát hình minh hoạ, SGK, trang 5 và trả lời câu hỏi: |
| **2. Hoạt động khám phá: (30 phút)** | |
| ***\* Hoạt động 1****: Tình hình đất nước ta sau khi thực dân Pháp nổ súng xâm lược.*  - HS làm việc cá nhân: đọc SGK phần in nghiêng và TLCH  + Nhân dân Nam Kì đã làm gì khi thực dân Pháp xâm lược nước ta ?  + Triều đình nhà Nguyễn có thái độ như thế nào trước cuộc xâm lược của thực dân Pháp ?  - GV kết luận.  ***\* Hoạt động 2****: Trương Định kiên quyết cùng nhân dân chống quân xâm lược*  - Hướng dẫn HS thảo luận theo nội dung câu hỏi:  + Năm 1862, vua ra lệnh cho Trương Định làm gì? Theo em lệnh của nhà vua đúng hay sai ? Vì sao ?  + Nhận được lệnh vua Trương Định có thái độ và suy nghĩ như thế nào?  + Nghĩa quân và dân chúng đã làm gì trước băn khoăn đó của Trương Định ? Việc làm đó có tác dụng như thế nào ?  + Trương Định đã làm gì để đáp lại lòng tin yêu của nhân dân?  ***-*** GV kết luận.  ***\* Hoạt động 3****: Lòng biết ơn, tự hào của nhân dân ta với ‘‘Bình Tây đại nguyên**soái ’’*  + Nêu cảm nghĩ của em về Bình Tây đại nguyên soái Trương Định ?  + Hãy kể thêm một vài mẩu chuyện về ông mà em biết ?  + Nhân dân ta đã làm gì để bày tỏ lòng biết ơn và tự hào về ông ?  - Chốt nội dung toàn bài.  **\* Củng cố, dặn dò (3 phút)**  - Em học tập được điều gì từ ông Trương Định?  - Nhận xét tiết học. | - Dũng cảm đứng lên chống TDP  - Nhượng bộ, nhu nhược không kiên quyết  - HS thảo luận nhóm 4  - Giải tán nghĩa binh và đi nhận chức lãnh binh ở An Giang…  - Băn khoăn lo lắng…  - Suy tôn ông là Bình Tây Đại nguyên soái; có tác dụng cổ vũ động viên ông quyết tâm đánh giặc  - Ở lại cùng nhân dân đánh giặc  - Ông là người yêu nước, dũng cảm, sẵn sàng hi sinh bản thân cho dân tộc  - HS tiếp nối nhau kể  - Lập đền thờ ghi lại chiến công của ông, lấy tên ông đặt tên cho đường phố, trường học  - Nêu nội dung ghi nhớ  - HS nêu |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC**

.................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Khoa học:**

**SỰ SINH SẢN**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Nhận biết mọi người đều do bố mẹ sinh ra và có những đặc điểm giống với bố mẹ của mình

- Học sinh yêu con người, xã hội, bố mẹ.

**2. Phẩm chất, năng lực:**

- Yêu thích môn Khoa học.

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực nhận thức thế giới tự nhiên, tìm tòi, khám phá thế giới tự nhiên (HĐ 1, HĐ 2),vận dụng kiến thức vào thực tiễn và ứng xử phù hợp với tự nhiên, con người ( HĐ3, Củng cố, dặn dò).

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV:Bộ phiếu dùng cho trò chơi "Bé là con ai ?" (đủ dùng theo nhóm)

- HS: Vở, SGK,...

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động khởi động: (5 phút)** | |
| - Giới thiệu chương trình học  - Em có nhận xét gì về sách khoa học 4 và sách khoa học 5?  - GV nhấn mạnh nội dung: conngười và sức khoẻ để vào bài.  - Giới thiệu bài - Ghi bảng | - 1 HS đọc tên SGK.  - Dựa vào mục lục đọc tên các chủ đề của sách.  - Sách khoa học 5 có thêm chủ đề: Môi trường và tài nguyên thiên nhiên.  - HS ghi vở |
| **2. Hoạt động khám phá: (30 phút)** | |
| **\* *Hoạt động 1****:**Trò chơi: Bé là con ai.*  - Nêu tên trò chơi, giới thiệu đồ chơi và phổ biến cách chơi.  - Giúp đỡ các nhóm gặp khó khăn.    Ví dụ:  + Tại sao bạn lại cho rằng đây là hai bố con (mẹ con)?  - GV hỏi để tổng kết trò chơi:  + Nhờ đâu các em tìm được bố và mẹ cho em bé?  + Qua trò chơi em có nhận xét gì về trẻ em và bố mẹ của chúng?  - GV kết luận  ***\* Hoạt động 2****: Ý nghĩa của sự sinh sản ở người.*  - Hướng dẫn HS làm việc theo cặp.  + 2 HS ngồi cạnh nhau cùng quan sát tranh.  + 1 HS đọc nội dung từng câu hỏi SGK (theo 3 thời điểm: lúc đầu, hiện nay và sắp tới) cho HS 2 trả lời.  + HS 1 khẳng định đúng sai.  - Treo các tranh minh hoạ không có lời, yêu cầu HS giới thiệu các thành viên trong gia đình bạn Liên.  - GV nhận xét và nêu câu hỏi:  + Gia đình bạn Liên có mấy thế hệ?  + Nhờ đâu mà có các thế hệ trong mỗi gia đình?  + Điều gì có thể xảy ra nếu con người không có khả năng sinh sản?  ***\* Hoạt động 3****: Liên hệ thực tế gia đình của em.*  - Tổ chức cho HS giới thiệu  - GV nhận xét và kết luận bạn giới thiệu hay và gia đình ai đảm bảo việc thực hiện kế hoạch hoá gia đình.  **\* Củng cố, dặn dò (3 phút)**  - Tại sao chúng ta nhận ra được em bé và bố mẹ của các em?  - Nhờ đâu mà các thế hệ dòng họ và gia đình được kế tiếp?  - Theo em điều gì sẽ xảy ra nếu con người không có khả năng sinh sản?  - Nhận xét tiết học. | - Lắng nghe.  - Nhận đồ chơi và thảo luận theo 4 nhóm: Tìm bố mẹ cho từng em bé và dán ảnh vào phiếu sao cho ảnh của bố mẹ cùng hàng với ảnh của em bé.  - Đại diện hai nhóm dán phiếu lên bảng.  - Cùng tóc xoăn, cùng nước da trắng, mũi cao, mắt to và tròn, nước da đen và hàm răng trắng, mái tóc vàng và nước da trắng giống bố, mẹ....  - Trao đổi theo cặp và trả lời.  - Em bé có đặc điểm giống bố mẹ của chúng.  -Trẻ em đều do bố mẹ sinh ra và có đặc điểm giống với bố mẹ của mình.  - HS quan sát hình 4, 5 SGK và hoạt độngtheo cặp dưới sự hướng dẫn của GV.  - 2 HS cùng cặp nối tiếp nhau giới thiệu  - Thảo luận nhóm đôi và đại diện trả lời.  - 2 thế hệ  - Nhờ có sự sinh sản.  - Không duy trì được các thế hệ, loài người sẽ bị diệt vong.  - Nêu nội dung bạn cần biết SGK, trang 5.  - HS dùng ảnh gia đình để giới thiệu các thành viên trong gia đình và các điểm giống nhau giữa các thành viên.  - HS trả lời |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC**

.................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Hoạt động tập thể:**

**CHỦ ĐIỂM: TRUYỀN THỐNG NHÀ TRƯỜNG**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Nắm bắt tình hình sỉ số học sinh của lớp, GVCN, cán bộ lớp.

- Rèn kĩ năng tự quản, kỉ luật của nhà trường, nội quy của trường lớp.

- Giáo dục tinh thần làm chủ tập thể. Tìm hiểu, nắm bắt được truyền thống của nhà trường.

**2. Phẩm chất, năng lực:**

- Yêu quý bạn bè, thầy cô giáo.

- Năng lực tự chủ, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV:Nội quy của lớp.

- HS: Các bài hát.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động khởi động: (5 phút)** | |
| - Cho HS hát bài : ‘‘ Em yêu trường em’’  - Tuyên bố lý do : Các em thân mến .  Để nắm được truyền thống của nhà trường và ý nghĩa của truyền thống đó. Đồng thời để xác định trác nhiệm của mỗi học sinhchúng ta trong việc phát huy truyền thống nhà trường và xây dựng kế hoạch học tập và hoạt động của cá nhân ,của lớp.Hôm nay chúng ta sẽ sinh hoạt về chủ đề “Truyền thống nhà trường” | - Hát tập thể bài hát Em yêu trường em.  - HS lắng nghe |
| **2. Hoạt động khám phá: (30 phút)** | |
| **\* *Hoạt động 1****:**Nghe giới thiệu*  - GVCN giới thiệu về truyền thống nhà trường.  ***\* Hoạt động 2****: Thảo luận*  - GVCN lần lượt nêu câu hỏi thảo luận:  + BGH nhà trường hiện nay gồm những ai?  + Ai là TPT Đội?  + Truyền thống nổi bật của trường ta là gì?  + Trong năm học qua trường ta có những thành tích gì nổi bật?  + Em sẽ làm gì để phát huy truyền thống tốt đẹp của nhà trường?  - GV nêu đáp án.  - Nêu bài học:  + Phát huy truyền thống nhà trường. Thực hiện nội quy nhà trường.  + Hoàn thành nhiệm vụ học tập và rèn luyện.  + Rèn luyện thân thể, giữ gìn vệ sinh cá nhân.  + Tham gia các hoạt động tập thể của trường, của lớp.  + Giữ gìn tài sản nhà trường, giúp đỡ gia đình.  ***\* Hoạt động 3****: Văn nghệ*  - Tổ chức cho HS biểu diễn văn nghệ.  - Nhận xét, tuyên dương các tiết mục.  **\* Củng cố, dặn dò (2 phút)**  - GVCN nhận xét kết quả hoạt động và dặn dò chương trình hoạt động tuần sau. | - HS lắng nghe.  - Trao đổi,thảo luận.  - HS vận dụng những kiến thức vừa được nghe GV giới thiệu để trả lời.  - Một số HS trả lời.  - HS khác nhận xét, bổ sung.  - Lần lượt HS lên biểu diễn các tiết mục văn nghệ mà các em đã chuẩn bị. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC**

.................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Tập làm văn:**

**CẤU TẠO CỦA BÀI VĂN TẢ CẢNH**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Nắm được cấu tạo ba phần của bài văn tả cảnh : *mở bài , thân bài , kết bài .*

- Chỉ rõ được cấu tạo 3 phần của bài *Nắng trưa* ( Mục III ) .

**2. Phẩm chất, năng lực:**

- Giáo dục HS lòng yêu quê hương đất nước.

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ ( Phần 2,3)

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: Bảng phụ trình bày cấu tạo bài Nắng trưa

- HS: Vở, SGK,...

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động khởi động: (4 phút)** | |
| - GV giới thiệu chương trình TLV  - GV nêu mục đích yêu cầu tiết học..  - GV dẫn dắt, giới thiệu bài | - HS nghe |
| **2. Hoạt động khám phá: (15 phút)** | |
| **Hoạt động 1: Nhận xét**  **( HĐ nhóm 4)**  Bài tập 1: Nêu yêu cầu  - Đọc bài Hoàng hôn trên sông Hương.  - Giải nghĩa: Hoàng hôn  - Thảo luận nhóm đôi để tìm 3 phần của bài và nội dung từng phần  - Cho HS trình bày.    - Bài văn tả cảnh thường có 3 phần: mở bài, thân bài , kết bài.  Bài tập 2: Nêu yêu cầu đề .  Chú ý sự khác biệt về thứ tự miêu tả của 2 bài văn  - Cho HS rút ra nhận xét .  **Hoạt động 2: Ghi nhớ**  - Nêu nhận xét về cấu tạo của bài văn tả cảnh ? | - Đọc và tìm các phần MB,TB,KB của bài Hoàng hôn trên sông Hương  - Đọc thầm phần giải nghĩa từ khó trong bài  - Hoàng hôn: là thời điểm lúc mặt trời vừa lặn, ánh sáng yếu và tắt dần .  - HS thảo luận .  - MB: Từ đầu … yên tĩnh này: Lúc hoàng hôn Huế rất yên tĩnh  - TB: Mùa thu…chấm dứt: Sự đổi sắc và hoạt động của con người bên bờ sông dưới lòng sông.  - KB: Phần còn lại: Sự thức dậy của Huế sau hoàng hôn.  - Nêu yêu cầu, thảo luận nhóm 4:  - Bài *Quang cảnh làng mạc ngày* mùa tả từng bộ phận.  - Bài *Hoàng hôn trên sông Hương* tả sự thay đổi của cảnh theo thời gian.  - Bài văn tả cảnh thường có 3 phần: MB,TB,KB  - Đọc phần ghi nhớ SGK |
| **3. Hoạt động luyện tập, thực hành: (17 phút)** | |
| - Nêu yêu cầu đề .  - Cho HS làm bài vào vở .  **\* Củng cố, dặn dò (2 phút )**  - Gọi HS nêu lại nội dung phần ghi nhớ  -Vận dụng cách viết văn qua 2 bài trên ghi những điều em quan sát được về một buổi sáng trưa hoặc chiều trong công viên hay đường phố…  - Nhận xét tiết học . | - Nhận xét cấu tạo của bài văn nắng trưa.  MB: Câu đầu:Nhận xét chung về nắng trưa.  TB: gồm 4 đoạn và có 4 ý chính  + Hơi đất trong nắng trưa dữ dội.  + Tiếng võng và câu hát ru em.  + Cây cối và con vật trong nắng trưa.  + Hình ảnh người mẹ trong nắng trưa.  Kết bài: Câu cuối: Cảm nghĩ về mẹ  - HS nêu  - HS nghe và thực hiện |

**IV . ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC**

.......................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Thứ tư ngày 07 tháng 09 năm 2022**

**Tập đọc:**

**QUANG CẢNH LÀNG MẠC NGÀY MÙA**

***Tô Hoài***

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Hiểu nội dung : *Bức tranh làng quê vào ngày mùa rất đẹp .*

- Biết đọc diễn cảm một đoạn trong bài , nhấn giọng ở những từ ngữ tả màu vàng của cảnh vật .

- HSNK đọc diễn cảm được toàn bài, nêu được t/dụng gợi tả của từ ngữ chỉ màu vàng

***\* Không hỏi câu hỏi 2 .***

**2. Phẩm chất, năng lực:**

- Giáo dục lòng yêu quê hương đất nước.

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo

( HĐ 1, 2).

- Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ (HĐ luyện tập, thực hành).

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV:Tranh minh hoạ SGK Sưu tầm thêm về tranh quê hương

- HS: Vở, SGK,...

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động khởi động: (4 phút)** | |
| - Tổ chức cho HS thi đọc thuộc lòng đoạn văn trong “Thư gửi các HS” và TLCH trong SGK.  - GV dẫn dắt, giới thiệu bài | - HS thi đọc |
| **2. Hoạt động khám phá: (28 phút)** | |
| **Hoạt động 1:** Đọc văn bản(14 ph)  - Gọi 1 HS đọc toàn bài  - Chia đoạn: 4 đoạn  - GV cho HS luyện đọc    - HD đọc từ ngữ khó, câu khó  - HD giải nghĩa từ  - GV HDHS luyện đọc theo nhóm đôi.  - GV đọc diễn cảm cả bài.  **Hoạt động 2:** Tìm hiểu nội dung(14 ph)  Câu1: Kể tên những sự vật trong bài có màu vàng và từ chỉ màu vàng đó .  Câu 3: Những chi tiết nào về thời tiết làm cho bức tranh làng quê thêm đẹp và sinh động?  Câu 4: Những chi tiết nào về con người làm cho bức tranh quê thêm đẹp và sinh động ?  - Nêu nội dung bài . | - HS đọc  - HS đọc tiếp nối 4 đoạn .  Đoạn 1:Từ đầu …khác nhau .  Đoạn 2: Tiếp …lơ lửng .  Đoạn 3: Tiếp …đỏ chói .  Đoạn 4: Còn lại .  - Từ ngữ khó: *Sương sa, vàng xuộm, vàng hoe, xõa xuống, vàng xọng.*  - Câu khó: Trong vườn… reo lơ lửng  - Giải nghĩa từ ngữ: lụi, kéo đá, vàng xuộm, vàng lịm  + Hanh hao: Không khí nóng gợi tả oi bức, khó chịu.  - HS luyện đọc theo nhóm đôi.  - Thảo luận nhóm 2 trả lời  -Lúa-vàng xuộm Tàu chuối-vàng ối  Nắng-vàng hoe Bụi mía-vàng xọng  Xoan-vàng lịm Rơm, thóc-vàng giòn  Lá mía-vàng ối Gà, chó-vàng mượt  Tàu đu đủ- vàng tươi  Mái nhà rơm – vàng mới  Tất cả-một màu vàng trù phú,đầm ấm  - Quang cảnh không còn có cảm giác héo tàn, hanh hao lúc sắp bước vào mùa …không mưa .  - Con người chăm chỉ, say mê với công việc, không tưởng ngày đêm …trở dậy là đi ngay.  *Bức tranh làng quê vào ngày mùa rất đẹp* |
| **3. Hoạt động luyện tập: LĐ diễn cảm (5 phút)** | |
| - HD đọc diễn cảm đoạn 4  - Tổ chức thi đọc diễn cảm.  **\* Củng cố, dặn dò (2 phút )**  -Bài văn thể hiện tình cảm gì của tác giả đối với quê hương ?  - Tìm thêm 1 số từ chỉ màu vàng khác.  - GV nhận xét tiết học. | - Luyện đọc diễn cảm nhóm đôi.  - HS tham gia thi đọc diễn cảm  -Phải rất yêu quê hương mới viết được một bài văn tả cảnh ngày mùa hay đến thế  - HS nghe và thực hiện |

**IV . ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC**

.......................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Toán:**

**ÔN TẬP : SO SÁNH HAI PHÂN SỐ**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Biết so sánh hai phân số có cùng mẫu số, khác mẫu số. Biết cách sắp xếp ba phân số theo thứ tự.

***-*** *Bài tập cần làm: Bài 1, bài 2.*

***-*** *Rèn kĩ năng* *so sánh hai phân số có cùng mẫu số, khác mẫu số và sắp xếp ba phân số theo thứ tự.*

**2. Phẩm chất, năng lực:**

- Giáo dục học sinh yêu thích môn học. Tính nhanh nhẹn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực tính toán. ( Bài 1,2 )

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Giáo viên: Sách giáo khoa, bảng phụ.

- Học sinh: Sách giáo khoa

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌCCHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động khởi động: (5 phút)** | |
| - Tổ chức cho HS chơi trò chơi: Tiếp sức.  + Chia thành 2 đội chơi, mỗi đội 4 thành viên, các thành viên còn lại cổ vũ cho hai đội chơi.  + Nhiệm vụ của mỗi đội chơi: Viết hai phân số rồi quy đồng mẫu số hai phân số đó.  + Hết thời gian, đội nào nhanh và đúng thì đội đó sẽ thắng.  - GV nhận xét  - Giới thiệu bài - Ghi bảng | - HS chơi trò chơi  - HS nghe  - HS ghi vở |
| **2. Hoạt động luyện tập thực hành : (33 phút)** | |
| **HĐ1: *H­ướng dẫn ôn tập cách so sánh hai phân số ( 18 ph )***  ***a) So sánh hai phân số cùng mẫu số***  - Gv viết lên bảng hai phân số sau :và yêu cầu HS so sánh.  - GV hỏi : Khi so sánh các phân số cùng mẫu ta làm thế nào ?  ***b) So sánh các phân số khác mẫu số***  - Gv viết lên bảng hai phân số sau : và  và yêu cầu HS so sánh.  - GV nhận xét và hỏi : Khi so sánh các phân số cùng mẫu ta làm thế nào ?  **HĐ2: *Làm bài tập.***  *Bài 1****:( 5 ph )***  - Cho HS nêu yêu cầu  - GV yêu cầu HS tự làm bài, sau đó gọi 1 HS đọc bài làm của mình trước lớp.  *Bài 2****: ( 10 ph )***  - Cho HS nêu yêu cầu  - GV yêu cầu HS làm bài.  - GV hướng dẫn cách làm  - GV nhận xét .  **\* Củng cố, dặn dò: ( 2 phút )**  - Yêu cầu HS nhắc lại cách:  + So sánh hai phân số.  + So sánh hai phân số khác mẫu số.  **-** GV nhận xét chung tiết học, dặn dò học sinh về nhà chuẩn bị bài sau. | - HS phát biểu  - HS thực hiện quy đồng mẫu số hai phân số rồi so sánh.  Quy đồng mẫu số hai phân số ta có :    Vì 21 > 20 nên  >  - Ta quy đồng mẫu số các phân số đó, sau đó so sánh như với phân số cùng mẫu số.  **\* (Cá nhân)**  - Nêu yêu cầu  - HS làm bài trên bảng, cả lớp làm vào vở.  vì .....  **\* ( Nhóm 4 )**  - Nêu yêu cầu  - HS thảo luận, làm bài:  a)  b)  - HS nhắc lại. |

**IV . ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC**

.................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Thứ năm ngày 08 tháng 09 năm 2022**

**Toán:**

**ÔN TẬP : SO SÁNH HAI PHÂN SỐ (tiếp theo)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Biết so sánh phân số với đơn vị, so sánh hai phân số có cùng tử số.

***-*** *Bài tập cần làm: Bài 1, bài 2, bài 3. HSNK làm bài 4.*

***-*** *Rèn kĩ năng so sánh phân số với đơn vị, so sánh hai phân số có cùng tử số.*

**2. Phẩm chất, năng lực :**

-Yêu thích môn toán, cẩn thận, chính xác.

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp toán học, năng lực tính toán. ( Bài 1,2,3 )

**II. ĐỒ DÙNG DẠY- HỌC**

- GV: Bảng phụ

- HS: SGK, vở viết, bảng con.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động khởi động: (4 phút)** | |
| - Cho HS tổ chức chơi trò chơi "Truyền điện" nêu nhanh quy tắc: So sánh 2 phân số cùng mẫu số, khác mẫu số ? Cho ví dụ ?  - GV dẫn dắt, giới thiệu bài | - HS chơi trò chơi |
| **2. Hoạt động luyện tập thực hành: (34 phút)** | |
| *Bài 1*: ( 10 ph )  - Cho HS làm bài rồi chữa bài.  - Khi HS chữa bài, GV cho HS nêu nhận xét để nhớ lại đặc điểm của phân số bé hơn 1, lớn hơn 1, bằng 1.  *Bài 2*: ( 14 ph )  a) Hướng dẫn HS thảo luận theo nhóm, làm bài  b) Nêu cách so sánh hai phân số có cùng tử số?  *Bài 3:* ( 10 ph )  - Cho Hs làm bài. Chú ý phát triển kĩ năng tính:  *Bài 4:* **\* Dành cho HS năng khiếu**  **\* Củng cố, dặn dò: (2 phút)**  - Nhận xét chung tiết học – Dặn dò. | **\* ( Cá nhân )**  *<1, vì PS  có TS bé hơn MS (3<5)*  *>1, vì PS 9/4 có TS lớn hơn MS (9>4)*  - HS nêu  **\* ( Nhóm 4 )**  - Thảo luận nhóm, làm bài.  - Trong hai phân số có tử số bằng nhau, phân số nào có mẫu số lớn hơn thì phân số đó bé hơn.  **\* ( Nhóm 2 )**  - HS làm bài theo nhóm.  *..... c) =×=; =×=;*  *Mà  <  (vì 25<64) nên <.*  *Mẹ cho chị  = . Mẹ cho em = Mà > nên > Vậy em được mẹ cho nhiều quýt hơn.* |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC**

.................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Luyện từ và câu:**

**LUYỆN TẬP VỀ TỪ ĐỒNG NGHĨA**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Tìm được các từ đồng nghĩa chỉ màu sắc ( 3 trong số 4 màu nêu ở BT1 ) và đặt câu với một từ tìm được ở BT1 ( BT 2 ) .

- HS năng khiếu đặt câu được với 2,3 từ tìm được ở BT1.

- Hiểu nghĩa của các từ ngữ trong bài học .

- Chọn được từ thích hợp để hoàn chỉnh bài văn ( BT3 ) .

**2. Phẩm chất, năng lực**:

- Yêu thích môn học, vận dụng vào cuộc sống.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ.( BT1,2,3 ).

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: - Bảng phụ ghi nội dung bài 1, 3

- HS: Vở, SGK,...

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động khởi động:(4 phút)** | |
| Cho HS tổ chức trò chơi "Truyền điện" với các câu hỏi sau:  + Thế nào là từ đồng nghĩa ?  + Thế nào là từ đồng nghĩa hoàn toàn, cho ví dụ ?  + Thế nào là từ đồng nghĩa không hoàn toàn, cho ví dụ ?  - GV dẫn dắt, giới thiệu bài | - HS chơi trò chơi |
| **2. Hoạt động luyện tập, thực hành: (32 phút)** | |
| Bài 1( 3 trong số 4 màu): ( HĐ cá nhân )  - Nêu yêu cầu bài tập.  - Cho HS làm bài ( HS năng khiếu làm hết 4 màu).    Bài 2: ( HĐ cá nhân )  - Nêu yêu cầu bài .  - Cho HS đặt câu ( HS năng khiếu đặt câu được 2,3 từ )  Bài 3: ( HĐ nhóm 2 )  - Nêu yêu cầu bài tập.  - Cho HS làm bài  - Giải thích vì sao chọn từ đó.  **\* Củng cố, dặn dò (2 phút )**  -Thế nào là từ đồng nghĩa ? Thế nào là từ đồng nghĩa hoàn toàn, không hoàn toàn ?  - Về nhà đọc lại đoạn văn ***Cá hồi vượt thác***để nhớ cách lựa chọn từ đồng nghĩa.  - GV nhận xét giờ học | - Tìm các từ đồng nghĩa .  a) xanh rờn, xanh mượt, xanh tươi, xanh rì, xanh xao, xanh lơ, xanh biếc...  b )đỏ chói, đỏ au, đỏ thẫm, đỏ rực, đỏ tía, đỏ tươi, đỏ ửng...  c) trắng nõn, trắng trẻo, trắng tinh, trắng hếu, trắng phau, trắng ngần, ….  d) đen đen, đen đủi, đen bóng, đen láy, đen sì, đen sạm, đen ngòm...  - Đặt câu với từ tìm được ở BT1  + Bãi ngô *xanh biếc* .  + Búp hoa lan *trắng ngần* .  - Chọn từ thích hợp để hoàn chỉnh bài văn  - Đọc đoạn văn: Cá hồi vượt thác.  Thảo luận nhóm đôi chọn từ cần điền  + điên cuồng, nhô lên, sáng rực, gầm vang, hối hả.  - HS nêu  - HS nghe và thực hiện |

**IV . ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC**

.......................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Địa lí:**

**VIỆT NAM- ĐẤT NƯỚC CHÚNG TA**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Mô tả sơ lược được vị trí địa lí và giới hạn của nước Việt Nam.

- Ghi nhớ diện tích phần đất liền Việt Nam; Khoảng 330.000 km2.

- Chỉ phần đất liền Việt Nam trên bản đồ( lược đồ)

\* HSNK: - Biết được một số thuận lợi và khó khăn do vị trí địa lí Việt Nam đem lại.

- Biết phần đất liền Việt Nam hẹp ngang, chạy dài theo chiều Bắc- Nam, với đường bờ biển cong hình chữ S.

**2. Phẩm chất, năng lực:**

- Tự hào về Tổ quốc.

- GDQPAN: Giới thiệu bản đồ Việt Nam và khẳng định chủ quyền đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là của Việt Nam.

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. (HĐ 1, HĐ 2).

- Năng lực hiểu biết cơ bản về Địa lí, năng lực tìm tòi và khám phá Địa lí (HĐ 3, củng cố, dặn dò).

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV:Bản đồ Địa lí tự nhiên Việt Nam.

- HS: SGK, vở.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động khởi động: (5 phút)** | |
| - Cho HS hát  - Kiểm tra việc chuẩn bị sách vở của học sinh.  - Giới thiệu bài - Ghi bảng | - HS hát  - HS chuẩn bị đồ dùng để cho GV kiểm tra |
| **2. Hoạt động khám phá: (30 phút)** | |
| **\* *Hoạt động 1****: Vị trí địa lý và giới hạn*  - GV yêu cầu HS quan sát hình 1 SGK, rồi trả lời các câu hỏi sau:  + Đất nước VN gồm có những bộ phận nào ?  + Chỉ vị trí và đất liền của nước ta trên lược đồ  + Phần đất liền của nước ta giáp với những nước nào ?  + Biển bao bọc phía nào phần đất liền của nước ta ? Tên biển là gì ?  +  Kể tên một số đảo và quần đảo của nước ta.   - Một số HS lên bảng chỉ vị trí địa lí của nước ta trên quả Địa cầu.  + Vị trí của nước ta có thuận lợi gì trong việc giao lưu với các nước khác ?  - GV kết luận  **\* *Hoạt động 2:*** *Hình dạng và diện tích*  - Yêu cầu HS đọc SGK, quan sát hình 2 , bảng số liệu, rồi TL theo các câu hỏi.  + Phần đất liền của nước ta có đặc điểm gì?  + Từ Bắc Nam theo đường thẳng phần đất liền nước ta dài bao nhiêu?  + Nơi hẹp nhất là bao nhiêu?  + DT phần đất liền nước ta là bao nhiêu?  + So sánh DT nước ta với các nước khác trong bàng số liệu?  - GV kết luận.  **\* *Hoạt động 3: Hoạt động cả lớp***  - Chơi trò chơi tiếp sức. GV treo 2 lược đồ trống.  **\* Củng cố, dặn dò (3 phút)**  - Một HS chỉ bản đồ nêu tóm tắt vị trí, giới hạn nước ta.  - Nêu thuận lợi, khó khăn do vị trí địa lí của nước ta đem lại ?  - Nhận xét tiết học. | - HS quan sát hình 1, đọc thầm phần 1 SGK,TLCH, kết hợp chỉ bản đồ  + Đất liền, biển, đảo và quần đảo  + Học sinh chỉ  + Trung Quốc, Lào, Cam- pu- chia  + Phía đông, phía nam, tây nam. Tên biển là Biển Đông  + Đảo Cát Bà, Bạch Long Vĩ, quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa...  + 2 học sinh lên chỉ  + Giao lưu bằng đường bộ, đường biển và đường hàng không  - HS thảo luận nhóm đôi, sau đó cử đại diện trình bày kết quả  + Hẹp ngang, chạy dài theo hướng Bắc Nam, cong hình chữ S  + Dài 1650 km.  + Chưa đầy 50 km  + Diện tích: 330000 km2  + Đứng thứ 3 sau Trung Quốc và Nhật Bản  - HS tham gia chơi lên dán tấm bìa vào lược đồ. Tuyên dương đội dán đúng, nhanh  - HS thực hiện  - HS trả lời |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC**

.......................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Khoa học:**

**NAM HAY NỮ?**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1.Kiến thức, kĩ năng:**

- Phân biệt các đặc điểm về mặt sinh học và xã hội giữa nam và nữ.

- Có ý thức tôn trọng các bạn cùng giới và khác giới, không phân biệt bạn nam, bạn nữ.

**2. Phẩm chất, năng lực:**

- Yêu thích môn khoa học.

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực nhận thức thế giới tự nhiên, tìm tòi, khám phá thế giới tự nhiên (HĐ 1, HĐ 2),vận dụng kiến thức vào thực tiễn và ứng xử phù hợp với tự nhiên, con người ( HĐ3, Củng cố, dặn dò).

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV:Các tấm phiếu có nội dung nh­ư trang 8 SGK.

- HS: SGK, vở viết

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động khởi động: (5 phút)** | |
| - Cho HS tổ chức trò chơi"Bắn tên" với các câu hỏi sau:  + Trẻ em do ai sinh ra và có đặc điểm giống gì ?  + Nêu ý nghĩa của sự sinh sản ?  - GV nhận xét  - Giới thiệu bài - Ghi bảng | - HS tổ chức chơi trò chơi  - HS nghe  - HS ghi vở |
| **2. Hoạt động khám phá: (30 phút)** | |
| **\* *Hoạt động 1:*** *Làm việc theo nhóm*  - GV yêu cầu nhóm tr­ưởng điều khiển nhóm mình thảo luận các câu hỏi 1,2,3 trang 6 SGK  \* ***Hoạt động 2:***  *Làm việc cả lớp*  ***-*** Ngoài những đặc điểm chung, giữa nam & nữ có sự khác biệt, trong đó có sự khác nhau cơ bản về cấu tạo và chức năng của cơ quan sinh dục. Khi còn nhỏ bé trai và bé gái ch­a có sự khác biệt rõ rệt về ngoại hình ngoài cấu tạo của cơ quan sinh dục. Đến một độ tuổi nhất định, cơ quan sinh dục mới phát triển và làm cho cơ thể giữa nam và nữ có nhiều điểm khác biệt về mặt sinh học.  - Nêu một số đặc điểm khác biệt giữa nam và nữ về mặt sinh học ?  **\* *Hoạt động 3:*** *Trò chơi: Ai nhanh, ai đúng*  *B­ước1*: Tổ chức và h­ướng dẫn: GV phát phiếu cho các nhóm và h­ướng dẫn cách chơi.  *B­ước 2:* Học sinh chơi.  *Bư­ớc 3:* Nhận xét, tuyên dương.  - Dịu dàng là nét duyên của bạn gái. Tại sao em lại cho rằng đây là đặc điểm chung của cả nam và nữ?  -Tương tự với các đặc điểm còn lại  **\* Củng cố, dặn dò (3 phút)**  - HS đọc mục bạn cần biết SGK trang 7  - Em đã làm gì thể hiện mình là nam (nữ) ?  - Nhận xét tiết học. | - HS thảo luận các câu hỏi 1,2,3 trang 6 SGK để trả lời  - Đại diện từng nhóm trình bày kết quả thảo luận của nhóm mình. Các nhóm khác bổ sung  - Vài HS nhắc lại kết luận 1  - HS lắng nghe  - Nam: Cơ thể rắn chắc, khỏe mạnh, cao to hơn nữ  - Nữ: Cơ thể mềm mại, nhỏ bé…  - HS lắng nghe  - HS tiến hành chơi  - Đại diện mỗi nhóm trình bày và giải thích tại sao nhóm mình lại sắp xếp như vậy  - Vì các bạn nam cũng thể hiện sự dịu dàng khi giúp đỡ các bạn nữ  - HS đọc  - HS trả lời |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC**

.......................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Đạo đức:**

**CÓ TRÁCH NHIỆM VỀ VIỆC LÀM CỦA MÌNH (TIẾT 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

***-*** Biết thế nào là có trách nhiệm về việc làm của mình. Khi làm việc gì sai biết nhận và sửa chữa.

***-*** Ra quyết định và kiên định bảo vệ ý kiến đúng của mình

***-*** Không tán thành với những hành vi trốn tránh trách nhiệm, đỗ lỗi cho người khác.

- Dạy tích hợp bài Em là học sinh lớp 5: Học sinh lớp 5 là học sinh lớn nhất trường, cần phải gương mẫu cho các em lớp dưới học tập. Vui và tự hào khi là HS lớp 5.

**2. Phẩm chất, năng lực:**

- Trung thực trong học tập và cuộc sống.

- GDQPAN: Dũng cảm nhận trách nhiệm khi làm sai một việc gì đó, quyết tâm sửa chữa trở thành người tốt.

- Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp và hợp tác (HĐ 1, HĐ 2, HĐ 3, HĐ 4).

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: SGK

- HS: SGK,VBT

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động khởi động: (5 phút)** | |
| - Cho HS tổ chức hát.  - Giới thiệu bài – ghi bảng. | - HS hát  - HS ghi vở |
| **2. Hoạt động khám phá: (30 phút)** | |
| ***\* Hoạt động 1:*** *Tìm hiểu truyện* *“Chuyện của bạn Đức”*  - GV cho HS thảo luận nhóm 4, đọc truyện và trả lời câu hỏi:  + Đức đã gây ra chuyện gì?  + Sau khi gây ra chuyện Đức cảm thấy như thế nào?  + Đức nên làm gì? Vì sao?  - GV nhận xét  *- Kết luận :* Mỗi người phải chịu trách nhiệm về việc làm của mình.  ***\* Hoạt động 2:***  *Làm bài tập 1 trang 7*  - GV phát phiếu ghi bài tập 1 và nêu yêu cầu: Cần đánh dấu + trước những biểu hiện của người sống có trách nhiệm, dấu - trước biểu hiện của người sống vô trách nhiệm  - GV nhận xét, kết luận  ***\* Hoạt động 3:*** *Bày tỏ thái độ*  - GV lần lượt nêu từng ý kiến ở bài tập 2 và yêu cầu HS bày tỏ thái độ bằng cách :  + Đưa thẻ đỏ nếu tán thành , đưa thẻ xanh nếu phản đối.  - Kết luận :  + Tán thành ý kiến :a, đ  + Phản đối ý kiến :b,c,d  ***\* Hoạt động 4:*** *Xử lí tình huống*  - Mời 1 HS đọc các tình huống ở BT3/8  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm xử lý một  tình huống.  - GV nhận xét, kết luận  - HS lớp 5 cần dũng cảm nhận trách nhiệm  khi làm sai một việc gì đó, là một tấm gương  mẫu mực cho các em nhỏ noi theo.  **\* Củng cố, dặn dò (3 phút)**  - Qua bài học trên, em học được điều gì?  - Nhận xét tiết học | - HS hoạt động nhóm 4(nhóm trưởng điều khiển)  -HS lần lượt đọc “Chuyện của bạn Đức”  **+** Đức sút bóng trúng bà Doan đang gánh hàng làm bà ngã, đổ hàng…  **+** Đức cảm thấy cần phải chịu trách nhiệm việc mình đó làm…  **+** Đến gặp bà Doan, xin lỗi…  **+** Có trách nhiệm về việc mình đó làm…  - HS nghe  - HS đọc phần ghi nhớ ở SGK  - HS thảo luận theo nhóm rồi trình bày kết quả:  Dấu +: a,b,d,g  Dấu -: c, đ,e  - Các nhóm khác nhận xét  - HS lắng nghe  - HS bày tỏ thái độ bằng cách đưa thẻ  - HS trả lời  - HS lắng nghe  - HS đọc  - HS thảo luận nhóm  - Đại diện nhóm lên trình bày  - HS lắng nghe  - HS trả lời |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC**

.......................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Tập làm văn :**

**LUYỆN TẬP TẢ CẢNH**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Nêu được những nhận xét về cách miêu tả cảnh vật trong bài “ *Buổi sớm trên cánh đồng*”(BT1).

- Lập được dàn ý bài văn tả cảnh một buổi trong ngày ( BT2 ) .

**2. Phẩm chất, năng lực:**

- Giáo dục lòng yêu quê hương đất nước

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ ( BT1,BT2)

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV:

+ Tranh phong cảnh.

+ Bảng phụ ghi dàn ý bài 2

- HS: SGK, những ghi chép kết quả quan sát ,vở TLV

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động khởi động:(4 phút)** | |
| - Cho HS chơi trò chơi "Bắn tên" với các câu hỏi sau:  + Bài văn tả cảnh gồm có mấy phần ?  + Nội dung từng phần ?  + Nêu cấu tạo của bài *Nắng tr­ưa ?*  - GV dẫn dắt, giới thiệu bài | - HS chơi trò chơi |
| **2. Hoạt động luyện tập, thực hành: (32 phút)** | |
| Bài tập 1: ( HĐ nhóm 2 )  - Đọc bài Buổi sớm trên cánh đồng và nêu nhận xét  Bài tập 2: ( HĐ nhóm 4 )  - Nêu yêu cầu bài tập.  - Cho HS các nhóm thảo luận.  **\* Củng cố, dặn dò (2 phút )**  - Yêu cầu học sinh về nhà tiếp tục hoàn thành dàn ý, viết vào vở, chuẩn bị cho tiết sau.  - Nhận xét tiết học. | - Thảo luận nhóm đôi, trình bày  a) Vòm trời, giọt mưa, sợi cỏ, gánh rau, bó huệ, bầy sáo, mặt trời mọc.  b) Tác giả quan sát bằng các giác quan: Xúc giác (làn da), thị giác ( mắt).  c)Vài giọt mưa loáng thoáng, những sợi cỏ đẫm nước  - Giữa những đám mây …vòi vọi .  - Lập dàn ý bài văn tả cảnh  - Thảo luận nhóm 4, ghi những điều đã quan sát thành 1 dàn ý vào phiếu học tập.  VD: Tả một buổi sáng trong một công viên.  MB: Giới thiệu bao quát cảnh yên tĩnh của công viên vào buổi sớm .  TB:- Cây cối, chim chóc, những con đường.   * Mặt hồ . * Người tập thể dục thể thao ,…   KB: Em rất thích đến công viên vào buổi sớm mai .  - HS nghe và thực hiện |

**IV . ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC**

...........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***Kĩ thuật***

**ĐÍNH KHUY HAI LỖ**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Biết cách đính khuy hai lỗ.

- Đính đ­ược ít nhất một khuy hai lỗ. Đính khuy tương đối chắc chắn.

- Rèn luyện tính cẩn thận.

- Với HS khéo tay: Đính được ít nhất 2 khuy 2 lỗ đúng đường vạch dấu. Khuy đính chắc chắn.

**2. Phẩm chất, năng lực:**

- Giáo dục tính cẩn thận, tỉ mỉ và kiên trì cho học sinh. Yêu thích môn học.

- Năng lực tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề (HĐ 1, HĐ 2), năng lực thực hành (HĐ luyện tập, thực hành).

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: Mẫu đính khuy hai lỗ.

- HS: Bộ đồ dùng KT

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động khởi động: (5 phút)** | |
| - Cho HS hát  - Kiểm tra việc chuẩn bị sách vở của học sinh.  - Giới thiệu bài - Ghi bảng | - HS hát  - HS chuẩn bị đồ dùng để cho GV kiểm tra |
| **2. Hoạt động khám phá: (10 phút)** | |
| ***\* Hoạt động 1:*** *Quan sát, nhận xét mẫu*  - Đặt câu hỏi định h­ướng HS quan sát.  - Giới thiệu mẫu đính khuy hai lỗ.  - GV kết luận.  ***\* Hoạt động 2:*** *Hướng dẫn thao tác kĩ thuật*  - Đặt câu hỏi định hư­ớng HS quan sát.  + Cách vạch dấu các điểm đính khuy hai lỗ ?  **L­ưu ý:** *Vì đây là bài học đầu tiên về đính khuy nên GV cần h­ướng dẫn kĩ:*  *+ Cách đặt khuy vào điểm vạch dấu (2 lỗ khuy).*  *+ Cách giữ cố định khuy.*  *+ Xâu chỉ đôi và không quá dài.*  - H­ướng dẫn cách đính khuy và thao tác mẫu lần khâu đính thứ nhất  - GV h­ướng dẫn thao tác như­ các b­ước trên và quan sát sản phẩm trả lời câu hỏi.  + Vị trí của khuy trên hai nẹp áo: ngang bằng với vị trí của các lỗ khuyết, đ­ược cài qua khuyết để gài hai nẹp của sản phẩm vào với nhau.  - Hướng dẫn nhanh lần 2 các bước đính khuy. | - HS quan sát một số mẫu khuy hai lỗ và hình 1à SGK  - Quan sát và rút ra nhận xét về: Đặc điểm hình dạng, kích th­ước, màu sắc của khuy hai lỗ.  - Quan sát mẫu kết hợp với hình 1b SGK và nhận xét về: đư­ờng chỉ đính khuy, khoảng cách giữa các khuy đính trên sản phẩm  - HS quan sát vị trí của các khuy và lỗ khuyết trên hai nẹp áo.  - HS đọc nội dung mục 1 và quan sát hình 2 SGK để trả lời câu hỏi.  +Thực hiện thao tác trong bư­ớc 1.  - HS đọc nội dung mục 2a và quan sát hình 3 SGK để nêu cách chuẩn bị đính khuy.  - HS đọc nội dung mục 2b và quan sát hình 4 SGK để nêu cách đính khuy.  + 1 HS thao tác 2-3 lần khâu đính còn lại  - HS quan sát hình 5, 6 SGK để nêu cách quấn chỉ quanh chân khuy và kết thúc đính khuy.  - Nêu nội dung ghi nhớ SGK, trang 7. |
| **3. Hoạt động luyện tập, thực hành: (10 phút)** | |
| - GV tổ chức cho học sinh thực hành.  - GV quan sát, uốn nắn cho những HS thực hiện chưa đúng thao tác kĩ thuật, những HS còn lúng túng.  - GV đánh giá, nhận xét kết quả thực hành.  **\* Củng cố, dặn dò (3 phút)**  - Nhắc lại các bước đính khuy.  - Nhận xét tiết học. | - HS thực hành.  - HS lắng nghe. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC**

.......................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Thứ sáu ngày 09 tháng 09 năm 2022**

**Toán:**

**PHÂN SỐ THẬP PHÂN ( tr.8 )**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Biết đọc, viết phân số thập phân. Biết rằng có một số phân số có thể viết thành phân số thập phân và biết cách chuyển các phân số đó thành phân số thập phân.

*- Bài tập cần làm: Bài 1, bài 2, bài 3, bài 4 ( a, c ). HSNK làm bài 4(b,d)*

***-***Rèn kĩ năng đọc, viết phân số thập phân.

**2. Phẩm chất, năng lực:**

- Giáo dục học sinh yêu thích môn học. Tính nhanh nhẹn – trình bày khoa học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác ( bài 3 )

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực tính toán ( bài 1,2,4).

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Giáo viên: Sách giáo khoa, bảng phụ.

- Học sinh: Sách giáo khoa

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌCCHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động khởi động:(4 phút)** | |
| - **Cho HS tổ chức trò chơi"Bắn tên" với nội dung: Nêu các cách so sánh phân số . Lấy VD minh hoạ ?**  - GV dẫn dắt, giới thiệu bài. | - HS chơi trò chơi |
| **2. Hoạt động khám phá: (14 phút)** | |
| **\* *Giới thiệu phân số thập phân***  - Giáo viên nêu và viết trên bảng các phân số.  ; ...  - Yêu cầu HS nhận xét đặc điểm về mẫu số các PS.  *- GVKL: Các phân số có mẫu là 10; 100; 100... gọi là các phân số thập phân.*  - Tổ chức cho HS làm các ví dụ để rút ra kết luận: *Một phân số có thể viết thành phân số thập phân* | - HS chú ý.  - HS nêu đặc điểm của mẫu số của các phân số này.  - Một vài học sinh nhắc lại và lấy 1 vài ví dụ.  - HS làm và rút ra kết luận.  - 2 HS nêu kết luận . |
| **3. Hoạt động luyện tập, thực hành (20 phút)** | |
| *­­­­­­­­­­Bài 1:* ( 5 ph ) Đọc các phân số TP.  - Gọi HS đọc yêu cầu của bài.  - Y/c HS làm bài.  - Nhận xét.  *Bài 2*: ( 5 ph )Viết các phân số TP  - Gọi HS đọc yêu cầu của bài.  - Yêu cầu HS làm bài.  - Gọi nhận xét bài trên bảng  - GV nhận xét.  *Bài 3 : ( 5 ph )* Phân số nào dưới đây là phân số thập phân  ***(Tiến hành như bài 1)***  *Bài 4:( a,c ) ( 5 ph )* Viết số thích hợp vào ô trống.  - Gọi HS đọc yêu cầu của bài.  - Yêu cầu HS làm bài.  - Gọi nhận xét bài trên bảng  - Nhận xét.  **\* Củng cố, dặn dò (2 phút)**  - Nhận xét tiết học – Dặn dò. | **\* ( Cá nhân )**  - 1 HS đọc yêu cầu  - HS làm miệng. HS khác nhận xét.  **\* ( Cá nhân )**  - 1 HS đọc yêu cầu.  - 1 HS làm trên bảng. Cả lớp làm vào vở.  - Nhận xét bài trên bảng  **\* ( Cá nhân )**  - 1 HS đọc yêu cầu.  - 2 HS làm ở bảng phụ. Cả lớp làm vào vở.  - Nhận xét bài trên bảng  *a)* *c )*  ***\* Dành cho HS năng khiếu:***   1. =  ×  =   d)  =  :  = |

**IV . ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC**

.................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................